

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần B.I - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngày thi: 27/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Đàm Thị Bằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Bé Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bé	8,00	Tám	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	8,00	Tám
4	Nguyễn Thị Biền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	7,50	Bảy phẩy năm
5	Nguyễn Đình Chinh	6,50	Sáu phẩy năm	45	Nông Minh Lệ	7,00	Bảy
6	Bé Đặng Chính	8,00	Tám	46	Nông Thị Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Phan Mạnh Cường	6,75	Sáu phẩy bảy năm	47	Hứa Thị Loan	8,00	Tám
8	Hà Thị Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Lý Thị Minh	7,00	Bảy
9	Nông Văn Đạt	6,75	Sáu phẩy bảy năm	49	Hoàng Thị Minh	8,00	Tám
10	Bé Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	50	Triệu Quang Mốt	6,00	Sáu
11	Tô Văn Dự	6,75	Sáu phẩy bảy năm	51	Vương Thị Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Hoàng Văn Dẫn	7,00	Bảy	52	Nông Văn Nam	6,50	Sáu phẩy năm
13	Đàm Thị Dung	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Hoàng Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
14	Lương Văn Dưỡng	7,00	Bảy	54	Đàm Thị Thanh Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Phan Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	55	Đình Văn Nghĩa	6,50	Sáu phẩy năm
16	Lý Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Nguyễn Thị Ngọc	7,00	Bảy
17	Nông Văn Giang	8,00	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8,00	Tám
18	Triệu Thị Hạ	7,25	Bảy phẩy hai năm	58	Lục Thị Nhung	8,00	Tám
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Đàm Thị Niêm	7,50	Bảy phẩy năm
20	Lý Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lục Thị Kim Oanh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
21	Lã Thị Hạnh	7,00	Bảy	61	Nguyễn Lê Quyên	7,50	Bảy phẩy năm
22	Đình Thị Hậu	8,00	Tám	62	Hoàng Thị Tắm	7,25	Bảy phẩy hai năm

*ĐHT*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Ma Văn Hiến	7,00	Bảy	63	Đàm Hồng Tân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nguyễn Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
25	Lưu Diệu Hoa	8,00	Tám	65	Đinh Phương Thảo	7,00	Bảy
26	Lương Thị Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	66	Mông Thị Thảo	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Lục Thị Hoài	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Nông Bích Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Nguyễn Thị Hoan	8,25	Tám phẩy hai năm	68	Triệu Minh Thùy	8,00	Tám
29	Hà Ngọc Hoàng	7,00	Bảy	69	Đàm Thị Thuyền	8,25	Tám phẩy hai năm
30	Hà Thị Hồng	8,00	Tám	70	Bé Thị Tiềm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Phạm Thị Huân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Nông Thị Tiến	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Huệ	8,00	Tám	72	Đỗ Văn Tĩnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
33	Mông Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Hoàng Thu Trang	8,00	Tám
34	Triệu Thị Thu Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	74	La Thị Huyền Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Bé Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Đỗ Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
36	Đinh Thị Huệ	8,00	Tám	76	Bé Văn Tư	6,75	Sáu phẩy bảy năm
37	Ma Thúy Hương	8,00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
38	Hoàng Quang Huy	8,00	Tám	78	Mã Thị Út	8,00	Tám
39	Hoàng Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lục Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	80	Đàm Thị Vui	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 06 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 15 điểm; Điểm 7,75: 17 điểm; Điểm 8,00: 18 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*Đ. H. L.*

*[Signature]*



**Đoàn Thị Kim Liên**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Hoàng Việt Hưng**